

Bản án số: 31/2019/HS-PT
Ngày 22/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Quang Huy**.

Các Thẩm phán: 1. Ông **Ma Quốc Tuấn**;

2. Bà **Vi Thị Tuyết Mai**;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Bà **Hứa Hoa Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 22/10/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 31/2019/LTPT-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

** Bị cáo kháng cáo:*

Nguyễn Văn L (Tên gọi khác Nguyễn Văn C), sinh ngày 17/12/1992;

Nơi ĐKNKTT: Tổ 11B, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở: Tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị C;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 - Phú Lương - Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị cáo không kháng cáo:*

Trần Lưu S (Tên gọi khác B), sinh ngày 19/02/1992.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 - Phú Lương - Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Chị **Nông Thị Quỳnh D**, sinh năm 1983, trú tại: Tổ 15, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Lý Thị L**, sinh năm 2000, trú tại: Thôn P, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian tháng 7/2018, Trần Lưu S nhiều lần đi qua đường Nguyễn Văn Tố, phường S, thành phố B phát hiện nhà chị Nông Thị Quỳnh D tại tổ 15, phường S thường xuyên đóng cửa, không ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Tối ngày 04/8/2018, Trần Lưu S nhắn tin nhiều lần rủ Nguyễn Văn L cùng đi trộm cắp tài sản của gia đình chị D. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/8/2018, S một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 97B1-331.85 từ phòng trọ ở tổ 11C, phường S, thành phố B đi đến sân Nhà văn hóa tỉnh Bắc Kạn. S nhắn tin cho L và L đã đi bộ từ nhà ra sân Nhà văn hóa tỉnh để gặp S. Tại đây, L đồng ý cùng S đi trộm cắp tài sản của nhà chị D. Sơn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1-331.85 chở L đi từ sân Nhà văn hóa theo đường thanh niên hướng từ Điện lực thành phố vào Trường Trung học phổ thông Bắc Kạn, đến sau Trường trung học phổ thông Bắc Kạn thì S điều khiển xe mô tô rẽ lên đường bờ đê Sông Cầu để lấy thanh sắt, tô vít đã cất giấu trong bụi cây từ trước đó để mang theo. Sau đó, S tiếp tục điều khiển xe mô tô chở L vòng xuống dưới gầm cầu Dương Quang rẽ lên đường Bàn Văn Hoan đi theo hướng từ cầu Dương Quang về đường Nguyễn Văn Tố rồi rẽ vào ngõ Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bắc Kạn thì dừng xe. Tại đây, L đứng trông xe, còn S mặc áo mưa, đeo khẩu trang, găng tay đi bộ đến cột điện cách cửa nhà chị D khoảng 05 mét ngắt cầu dao điện, S quay lại vị trí L đứng gần xe mô tô cởi áo mưa cất vào cốp xe, tháo đồng hồ đeo tay đưa cho L giữ hộ. L ở lại trông xe và quan sát cảnh giới bên ngoài. S cầm theo thanh sắt và tô vít đã chuẩn bị từ trước đi đến bãi đất trống cạnh nhà chị D. S bám vào các song sắt trên cổng nhà trèo lên ban công tầng hai, S dùng thanh sắt và tô vít để cạy phá cửa vào trong nhà. Sau khi vào được bên trong nhà, S gọi điện báo L vào nhà giúp S trộm cắp tài sản nhưng L không vào mà chỉ ở ngoài quan sát cảnh giới. S tiếp tục dùng đèn điện thoại di động soi và lục soát các gian phòng ở tầng hai nhà chị D. Khi đến phòng ngủ của chị D, S lục soát bàn trang điểm, tủ quần áo, tìm được chùm chìa khóa nhưng không mở được két sắt nên S đã dùng thanh sắt và tô vít mang theo để cạy phá két sắt. S thấy trong két có nhiều tiền và vàng, nên S lấy 12 chiếc nhẫn (gồm 11 chiếc nhẫn vàng và 01 nhẫn kim loại màu vàng), 01 miếng vàng cất giấu vào túi quần đang mặc và lấy số tiền 100.000.000 đồng cất giấu vào tay áo Sơn đang mặc. Số tiền và vàng còn lại gồm 60.000.000 đồng, 07 nhẫn vàng, 02 dây chuyền vàng, 02 đôi khuyên tai vàng, 01 lắc tay vàng, 01 mặt dây chuyền vàng S lấy hết để vào túi nilon tìm thấy trong phòng. Sau đó, S điện thoại cho L đến đón, rồi trèo ra khỏi nhà chị D. S đi bộ theo đường Nguyễn Văn Tố hướng về phía cầu Dương Quang, khi đến gần khu vực ngã ba đường rẽ lên Tỉnh ủy Bắc Kạn thuộc tổ 13, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn thì gặp L điều khiển xe mô tô đến đón. Sau đó, L chở S theo hướng đường Nguyễn Văn Tố qua cầu Dương Quang đến khu vực đập tràn thuộc thôn N, xã D, thành phố B. Tại đây S chia tiền và một phần vàng trong túi nilon cho L, rồi vứt mũ lưỡi trai, khẩu trang, găng tay,

tô vít và thanh sắt xuống sông để phi tang. Sau đó, S điều khiển xe mô tô chở L về khu vực sân Nhà văn hóa tỉnh Bắc Kạn để L đi bộ về nhà, còn S điều khiển xe về phòng trọ.

Ngay khi phát hiện mất tài sản, chị Nông Thị Quỳnh D đã trình báo Công an thành phố B để giải quyết. Sau đó, các bị cáo đã ra đầu thú. Bị cáo Trần Lưu S tự nguyện giao nộp số tiền 41.147.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định được tổng số tiền và tài sản các bị cáo đã trộm cắp được của gia đình chị D vào ngày 05/8/2019 gồm: 160.000.000 đồng; 19 chiếc nhẫn trong đó có 18 chiếc nhẫn vàng và 01 nhẫn vàng giả; 02 dây chuyền vàng, 02 đôi khuyên tai vàng, 01 miếng vàng, 01 lắc tay vàng, 01 mặt dây chuyền vàng. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản S đã làm hư hỏng 01 kết sắt và 01 bộ khóa cửa.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 27/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản kết luận:

* Tài sản bị chiếm đoạt gồm:

- Trị giá tài sản vàng 24k (9999) có trọng lượng 45,5 chỉ x 3.475.000đ/chỉ = 158.112.500 đồng.

- Trị giá tài sản vàng tây 585 (14k) có trọng lượng 2,591 chỉ x 1.390.000đ/chỉ = 3.601.490 đồng.

- Trị giá tài sản vàng tây 75% (18k) có trọng lượng 1,042 chỉ x 2.536.750 đồng = 2.643.293 đồng.

Tổng giá trị tài sản (vàng) là: 164.375.283 đồng.

* Tài sản bị hư hỏng:

- 01 chiếc kết sắt loại Việt Tiệp (size 45) đã qua sử dụng trị giá 1.200.000 đồng.

- 01 bộ khóa cửa Việt Tiệp đã qua sử dụng trị giá 150.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tiền và vàng các bị cáo Trần Lưu S, Nguyễn Văn L đã trộm cắp của gia đình chị Nông Thị Quỳnh D là 160.000.000đ tiền mặt + 164.357.283đ giá trị tài sản (vàng) = 324.357.283 đồng. Tổng giá trị tài sản bị hư hỏng là 1.350.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trần Lưu S, Nguyễn Văn L đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Lưu S 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/8/2018.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 288, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại giá trị chiếm đoạt còn lại là 190.560.283 đồng. Trong đó, bị cáo S phải bồi thường số tiền 95.280.141 đồng, bị cáo L phải bồi thường số tiền 95.280.141 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Lưu S không kháng cáo. Ngày 09/7/2019, bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Qua phân xét hỏi tại phiên tòa đã làm rõ được cụ thể số tiền từng bị cáo chiếm đoạt. Theo đó, bị cáo Nguyễn Văn L chỉ được bị cáo Trần Lưu S chia cho số tiền 30.000.000 đồng, phần tiền còn lại S một mình chi tiêu cá nhân hết. Do đã xác định được số tiền cụ thể từng bị cáo chiếm đoạt nên có đủ căn cứ buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 190.560.283 đồng, trong đó bị cáo L phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo S phải bồi thường số tiền 160.560.283 đồng. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L đảm bảo về chủ thể và thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nên được Hội đồng xét xử xét kháng cáo theo quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 05/8/2018, tại nhà chị Nông Thị Quỳnh D thuộc Tổ 15, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, các bị cáo Trần Lưu S, Nguyễn Văn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là tiền mặt và vàng có tổng giá trị là 324.357.283 đồng và làm hư hỏng tài sản của gia đình chị D có giá trị là 1.350.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L:

Bị cáo Nguyễn Văn L thừa nhận tội danh và mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp và không có ý kiến về phần trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm trách nhiệm bồi thường dân sự cho bị cáo

với lý do: Số tiền 95.280.141 đồng mà cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là quá cao so với số tiền mà bị cáo được chia trong quá trình phạm tội. Bị cáo giữ nguyên lời khai như ở cấp sơ thẩm chỉ thừa nhận được S chia cho số tiền 20.000.000 đồng và 10.000.000 đồng từ việc cùng S đi bán 06 nhẫn vàng. Tổng cộng L được nhận từ S tổng số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Lưu S thừa nhận lời khai của bị cáo L về việc chia số tiền chiếm đoạt là đúng và xác nhận được chia cho L số tiền 30.000.000 đồng, phần tiền còn lại S tự chi tiêu cá nhân hết. Đồng thời các bị cáo nhất trí thỏa thuận bồi thường cho bị hại theo số tiền từng bị cáo đã chiếm đoạt và được bị hại đồng ý.

Như vậy, tại phiên tòa đã xác định được số tiền cụ thể từng bị cáo đã chiếm đoạt, đồng thời các bị cáo cũng tự thỏa thuận về số tiền bồi thường cho bị hại và được bị hại đồng ý. Xét thấy thỏa thuận của các bị cáo không trái pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận này. Theo đó, có đủ cơ sở buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tổng số tiền 190.560.283 đồng cho bị hại Nông Thị Quỳnh D, trong đó từng bị cáo phải bồi thường theo số tiền cụ thể đã chiếm đoạt như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*)

- Bị cáo Trần Lưu S phải bồi thường số tiền 160.560.283đ (*Một trăm sáu mươi triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng*).

Việc cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo phân bằng nhau là chưa phù hợp, gây bất lợi cho bị cáo Nguyễn Văn L.

Từ sự phân tích ở trên, xét thấy, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí: Do có sự thay đổi về số tiền bồi thường nên án phí dân sự có giá ngạch mà các bị cáo phải chịu theo bản án sơ thẩm có sự thay đổi như sau: Bị cáo Trần Lưu S phải chịu 8.028.014 đồng; bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Đối với án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Lưu S 08 (Tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/8/2018.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 07 (Bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/9/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường, buộc các bị cáo Trần Lưu S, Nguyễn Văn L phải liên đới bồi thường thiệt hại giá trị tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại Nông Thị Quỳnh D tổng số tiền là 190.560.283đ (*Một trăm chín mươi triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng*). Trong đó:

- Bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*)

- Bị cáo Trần Lưu S phải bồi thường số tiền 160.560.283đ (*Một trăm sáu mươi triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng*).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), bị cáo Trần Lưu S phải chịu 8.028.014đ (*Tám triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, không trăm mười bốn nghìn đồng*).

- Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng Hồ sơ, Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Công an TP. B;
- VKSND TP. B;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Quang Huy